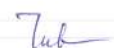


CÔNG TY DỆT HOPEX

HẠNG MỤC : XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI

CÔNG TY VĂN THIỆT KẾ VÀ XÂY DỰNG BÀC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 02 tháng 09 năm 2022		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THỰC CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
		

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
CÔNG SUẤT: 7000M3/H

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG GIANG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

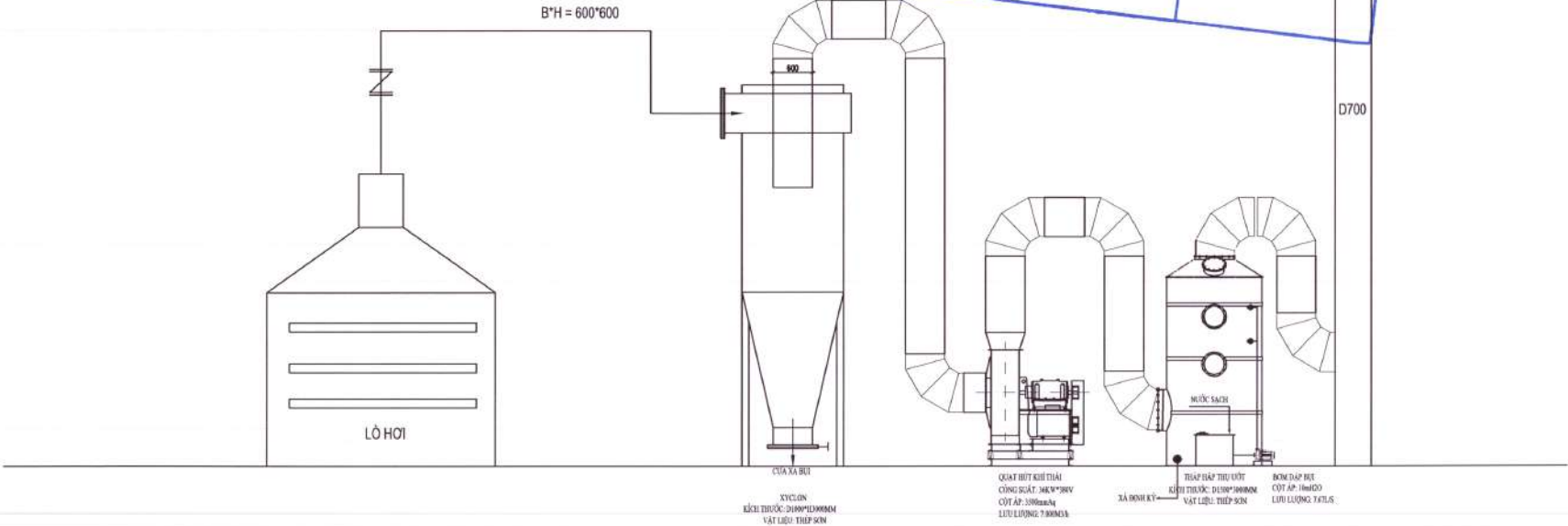
Ngày 12 tháng 09 năm 2022

NGƯỜI LẬP

ĐƠN VỊ THI CÔNG

TƯ VẤN GIÁM SÁT

NGUỒN TIẾP NHẬN



HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		



DỰ ÁN:

CÔNG TY DỆT HOPEC

GÓI THẦU:

XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG VÀ PHỤ TRỢ

ĐỊA ĐIỂM

LAI CÁCH - CẨM GIANG - HẢI DƯƠNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG GIANG

ĐC: SỐ 44/87 - NGUYỄN KHANG - QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI

ĐT: 04.37.846.066 - FAX: 04.37.831.442

EMAIL: TRUONGGIANG@TGC.VN

GD	VŨ TRUNG NGUYỄN	TIME
CNDA	PHẠM QUANG TRUNG	
THIẾT KẾ	VŨ ĐỨC NGHĨA	
VẼ	VŨ ĐỨC NGHĨA	
KIỂM		

G.ĐOẠN THỰC HIỆN

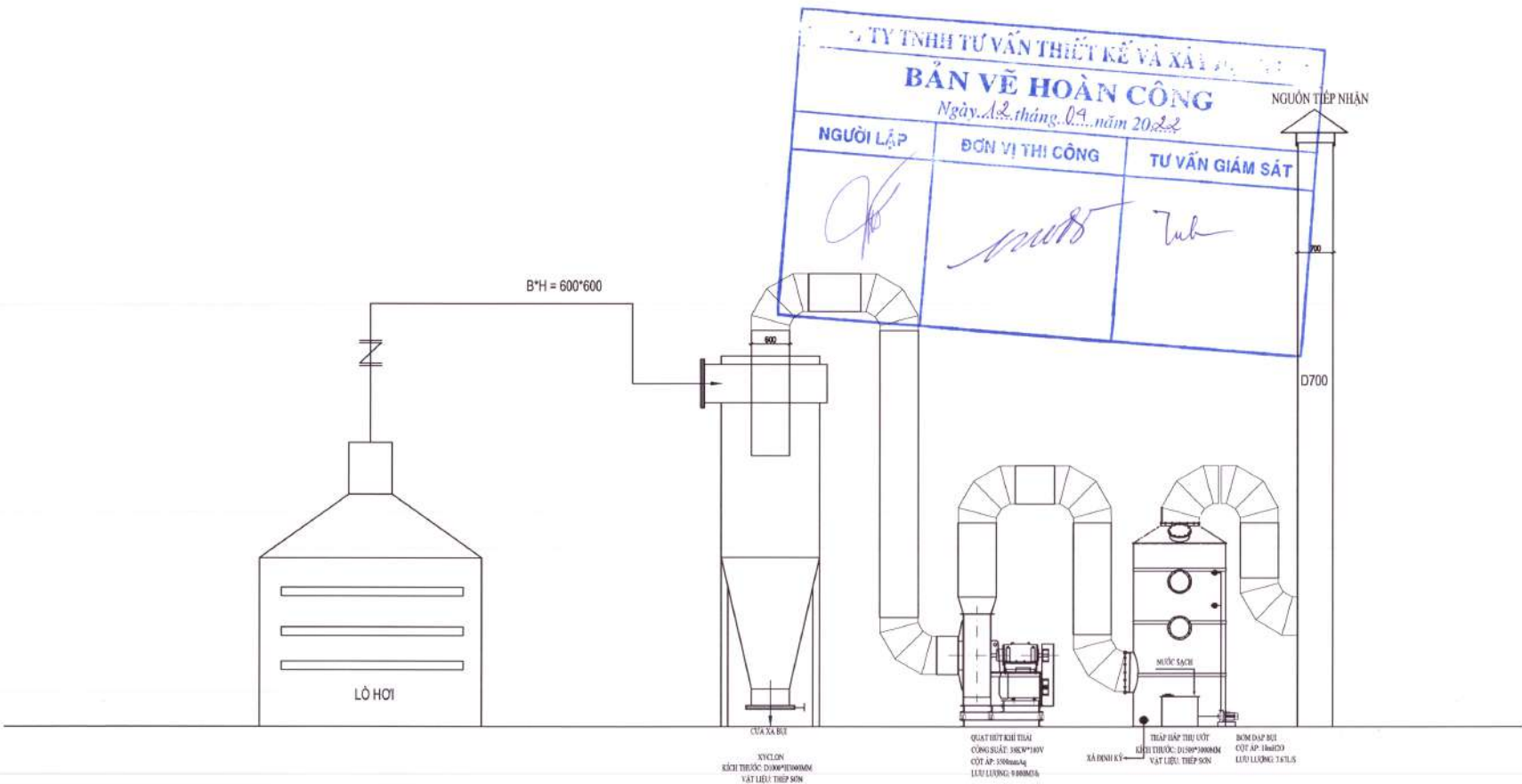
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ		MÃ SỐ HỢP ĐỒNG	
NGÀY		KÝ HIỆU BẢN VẼ	

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
CÔNG SUẤT: 9000M3/H



HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		



DỰ ÁN:

CÔNG TY DỆT HOPEX

GÓI THẦU:
XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG
VÀ PHỤ TRỢ

ĐỊA ĐIỂM
LAI CÁCH - CẨM GIANG - HẢI DƯƠNG



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG
TRƯỜNG GIANG**
ĐC: SỐ 44/87 - NGUYỄN KHANG - QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
ĐT: 04.37.846.066 - FAX: 04.37.831.442
EMAIL: TRUONGGIANG@TGC.VN

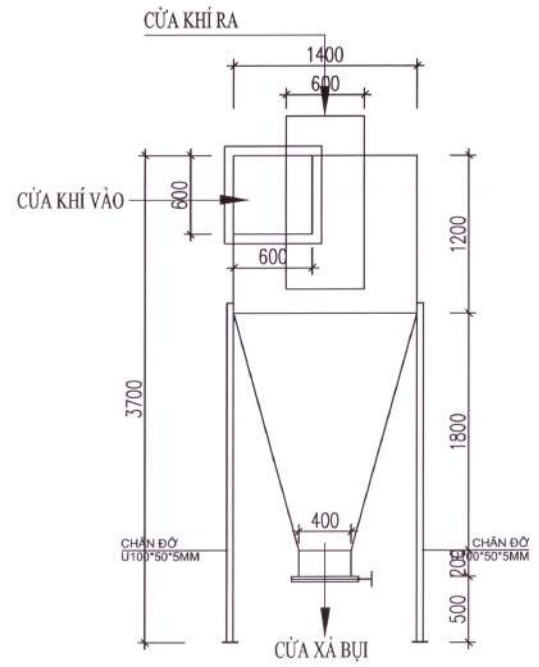
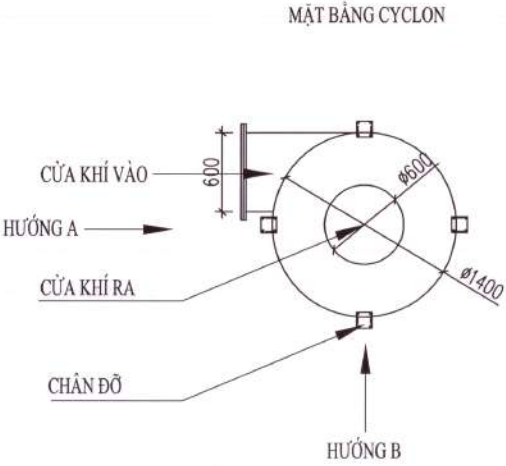
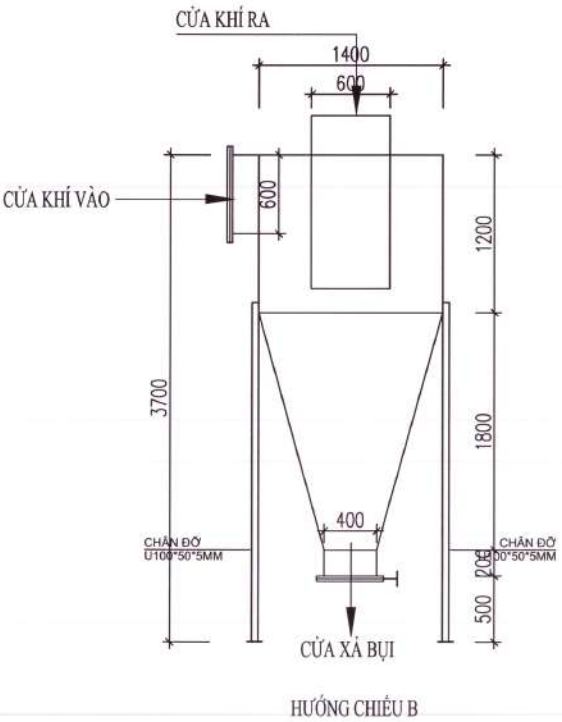
GD	VŨ TRUNG NGUYỄN	
CHĐA	PHẠM QUANG TRUNG	
THIẾT KẾ	VŨ ĐỨC NGHĨA	
VẼ	VŨ ĐỨC NGHĨA	
KIỂM		

G.ĐOẠN THỰC HIỆN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ		MÃ SỐ HỌP ĐỒNG	
NGÀY		KÝ HIỆU BẢN VẼ	

MẶT BẰNG CYCLON



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày...tháng...năm 20...		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THỰC CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT

HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		



DỰ ÁN:
CÔNG TY DỆT HOPEC
GÓI THẦU:
XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG VÀ PHỤ TRỢ

ĐỊA ĐIỂM
LAI CÁCH - CẨM GIANG - HẢI DƯƠNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG
TRƯƠNG GIANG
ĐC: SỐ 44/87 - NGUYỄN KHANG - QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
ĐT: 04.37.846.066 - FAX: 04.37.831.442
EMAIL: TRUONGGIANG@TGC.VN

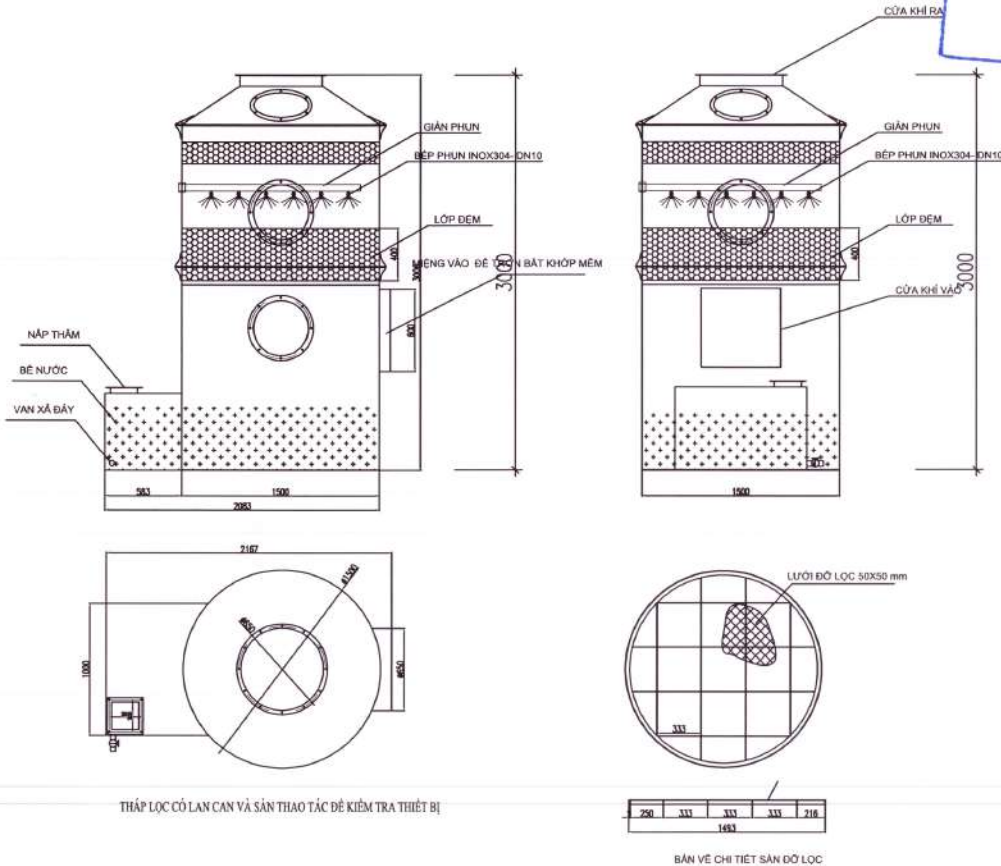
GD	VŨ TRUNG NGUYỄN	
CNDA	PHẠM QUANG TRUNG	
THIẾT KẾ	VŨ ĐỨC NGHĨA	
VẼ	VŨ ĐỨC NGHĨA	
KIỂM		

G.ĐOẠN THỰC HIỆN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT XYCLON

TỶ LỆ	MÃ SỐ HỢP ĐỒNG
NGÀY	KÝ HIỆU BẢN VẼ

THÁP HẤP THỤ 水喷淋塔



STT	TÊN CHI TIẾT	ĐỘ DÀY	VẬT LIỆU	NOTE
01	VỎ THÁP	3MM	SS400	
02	ĐÁY THÁP	5MM	SS400	
03	MẶT SÀN THAO TÁC		Grating FRP	
04	SÀN THAO TÁC		SS400	
05	LAN CAN		SS400	
06				
07				

...TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 12 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT

HIỆU CHỈNH

LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỮ ĐẤU

MSDN: 031281166

CÔNG TY DỆT HOPEX

CÁN GIẢNG-T.HẢI DƯƠNG

DỰ ÁN:

CÔNG TY DỆT HOPEX

GÓI THẦU:

XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG VÀ PHỤ TRỢ

ĐỊA ĐIỂM:

LAI CÁCH - CẨM GIANG - HẢI DƯƠNG

TRƯỜNG GIANG

CONSTRUCTION CONSULTANCY

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG GIANG

ĐC: SỐ 44/87 - NGUYỄN KHANG - QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI

ĐT: 04.37.846.066 - FAX: 04.37.831.442

EMAIL: TRUONGGIANG@TGC.VN

GD	VŨ TRUNG NGUYỄN	
CN&ĐA	PHẠM QUANG TRUNG	
THIẾT KẾ	VŨ ĐỨC NGHĨA	
VẼ	VŨ ĐỨC NGHĨA	
KIỂM		

G.ĐOÀN THỰC HIỆN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ

THÁP HẤP THỤ

TỶ LỆ	MÃ SỐ HỢP ĐỒNG	
NGÀY	KÝ HIỆU BẢN VẼ	

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày: 17. tháng 03. năm 2017

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình: Công ty Dệt Hopex

Hạng mục : Hệ thống xử lý khí thải lò hơi - Hệ thống xử lý khí thải

2. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Dệt Hopex.

- Ông: Đỗ Trọng Trường Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.
- Ông: Chức vụ:

b. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty CP tư vấn và xây dựng Trường Giang.

- Ông : Vũ Trung Nguyên Chức vụ: Giám đốc.
- Ông: Vũ Tiến Lực Chức vụ: Giám sát thi công

c. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Bắc.

- Bà: Bùi Thị Mơ Chức vụ: . Giám đốc.
- Ông: Đỗ Công Hoan Chức vụ: Giám sát thi công

4. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 7.....giờ ..30. phút, ngày 17 tháng 03. năm 2017

Kết thúc: 10.giờ ..30.phút, ngày 17 tháng 03. năm 2017

Tại hiện trường thi công xây dựng công trình: **Công ty Dệt Hopex.**

5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành

- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng;

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng XD số: .01../BAC-HOPEX ngày 02 tháng 02 năm 2017

- Bản vẽ hoàn công;

b) Chất lượng công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

Thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật xây dựng. Chất lượng các bộ phận kết cấu công trình đạt yêu cầu.

c) Các ý kiến khác (nếu có): Không

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định, thời gian bảo hành tính từ ngày bàn giao.

Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): Không

7. Các tham thành phần tham gia nghiệm thu.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Trọng Trường

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ

VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Nguyên

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Mơ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 12 tháng 04 năm 2022

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình: Công ty Dệt Hopex

Hạng mục : Hệ thống hút bụi máy sấy - Hệ thống xử lý khí thải

2. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Dệt Hopex.

- | | |
|------------------------|-----------------------------|
| - Ông: Đỗ Trọng Trường | Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc. |
| - Ông: | Chức vụ: |

b. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty CP tư vấn và xây dựng Trường Giang.

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| - Ông : Vũ Trung Nguyên | Chức vụ: Giám đốc. |
| - Ông: Vũ Tiến Lực | Chức vụ: Giám sát thi công |

c. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Bắc.

- | | |
|---------------------|----------------------------|
| - Bà: Bùi Thị Mơ | Chức vụ: P. Giám đốc. |
| - Ông: Đỗ Công Hoan | Chức vụ: Giám sát thi công |

4. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 7.....giờ 30.. phút, ngày 12 tháng 04.. năm 2022

Kết thúc: 10.....giờ 30..phút, ngày 12 tháng 04..năm 2022

Tại hiện trường thi công xây dựng công trình: **Công ty Dệt Hopex.**

5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành
- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng;
- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;
- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng XD số: ..01./BAC-HOPEX ngày 01 tháng 03 năm 2022

- Bản vẽ hoàn công;

b) Chất lượng công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

Thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật xây dựng. Chất lượng các bộ phận kết cấu công trình đạt yêu cầu.

c) Các ý kiến khác (nếu có): Không

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định, thời gian bảo hành tính từ ngày bàn giao.

Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): Không

7. Các tham thành phần tham gia nghiệm thu.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Trọng Trường

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ

VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Nguyên

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Mơ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 12 tháng 10 năm 2010

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình: Công ty Dệt Hopex

Hạng mục : Bể gom nước thải - Hệ thống xử lý nước thải

2. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Dệt Hopex.

- Ông: Đỗ Trọng Trường Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

- Ông: Chức vụ:

b. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty CP tư vấn và xây dựng Trường Giang.

- Ông : Vũ Trung Nguyên Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Vũ Tiến Lực Chức vụ: Giám sát thi công

c. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Bắc.

- Bà: Bùi Thị Mơ Chức vụ: ... Giám đốc.

- Ông: Đỗ Công Hoan Chức vụ: Giám sát thi công

4. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: ...8...giờ phút, ngày 12 tháng 10 năm 2010

Kết thúc: 10 giờphút, ngày 12 tháng 10 năm 2010

Tại hiện trường thi công xây dựng công trình: **Công ty Dệt Hopex.**

5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành

- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng;

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng XD số: 08.../BAC-HOPEX ngày 6 tháng 9 năm 2010

- Bản vẽ hoàn công;

b) Chất lượng công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

Thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật xây dựng. Chất lượng các bộ phận kết cấu công trình đạt yêu cầu.

c) Các ý kiến khác (nếu có): *Không*

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định, thời gian bảo hành tính từ ngày bàn giao.

Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): *Không*

7. Các tham thành phần tham gia nghiệm thu.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Trọng Trường

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ

VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Nguyên

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Mơ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 12 tháng 10 năm 2010

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình: Công ty Dệt Hopex

Hạng mục : Bể điều hòa - Hệ thống xử lý nước thải

2. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Dệt Hopex.

- Ông: Đỗ Trọng Trường Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.
- Ông: Chức vụ:

b. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty CP tư vấn và xây dựng Trường Giang.

- Ông : Vũ Trung Nguyên Chức vụ: Giám đốc.
- Ông: Vũ Tiến Lực Chức vụ: Giám sát thi công

c. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Bắc.

- Bà: Bùi Thị Mơ Chức vụ: Giám đốc.
- Ông: Đỗ Công Hoan Chức vụ: Giám sát thi công

4. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 8 giờ phút, ngày 12 tháng 10 năm 2010

Kết thúc: 10 giờphút, ngày 12 tháng 10 năm 2010

Tại hiện trường thi công xây dựng công trình: **Công ty Dệt Hopex.**

5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành

- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng;

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng XD số: 08.../BAC-HOPEX ngày 6 tháng 9 năm 2020

- Bản vẽ hoàn công;

b) Chất lượng công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

Thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật xây dựng. Chất lượng các bộ phận kết cấu công trình đạt yêu cầu.

c) Các ý kiến khác (nếu có): *Không*

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định, thời gian bảo hành tính từ ngày bàn giao.

Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): *Không*

7. Các tham thành phần tham gia nghiệm thu.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Trọng Trường

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Mơ

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ

VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Nguyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 15 tháng 10 năm 2010

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình: Công ty Dệt Hopex

Hạng mục : Bể phản ứng - Hệ thống xử lý nước thải

2. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Dệt Hopex.

- Ông: Đỗ Trọng Trường Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

- Ông: Chức vụ:

b. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty CP tư vấn và xây dựng Trường Giang.

- Ông : Vũ Trung Nguyên Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Vũ Tiến Lực Chức vụ: Giám sát thi công

c. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Bắc.

- Bà: Bùi Thị Mơ Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Đỗ Công Hoan Chức vụ: Giám sát thi công

4. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: ...8...giờ phút, ngày 15 tháng 10.. năm 2010

Kết thúc: ...10...giờphút, ngày 15 tháng 10..năm 2010

Tại hiện trường thi công xây dựng công trình: **Công ty Dệt Hopex.**

5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành

- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng;

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng XD số: .08.../BAC-HOPEX ngày .6 tháng .9 năm 2015

- Bản vẽ hoàn công;

b) Chất lượng công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

Thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật xây dựng. Chất lượng các bộ phận kết cấu công trình đạt yêu cầu.

c) Các ý kiến khác (nếu có): Không

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định, thời gian bảo hành tính từ ngày bàn giao.

Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): Không

7. Các tham thành phần tham gia nghiệm thu.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Trọng Trường

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ

VĂN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Nguyên

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Mơ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 18 tháng 10 năm 2010

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình: Công ty Dệt Hopex

Hạng mục : Bể lắng hóa lý - Hệ thống xử lý nước thải

2. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Thành phần trực tiếp tham gia nghiêm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Dệt Hopex.

- Ông: Đỗ Trọng Trường Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

- Ông: Chức vụ:

b. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty CP tư vấn và xây dựng Trường Giang.

- Ông : Vũ Trung Nguyên Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Vũ Tiến Lực Chức vụ: Giám sát thi công

c. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Bắc.

- Bà: Bùi Thị Mơ Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Đỗ Công Hoan Chức vụ: Giám sát thi công

4. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: ..8...giờ phút, ngày 18 tháng 10... năm 2010

Kết thúc: 10 giờphút, ngày 18 tháng 10 năm 2010

Tại hiện trường thi công xây dựng công trình: **Công ty Dệt Hopex.**

5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành

- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng;

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng XD số: 09/BAC-HOPEX ngày 6 tháng 9 năm 2010

- Bản vẽ hoàn công;

b) Chất lượng công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

Thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật xây dựng. Chất lượng các bộ phận kết cấu công trình đạt yêu cầu.

c) Các ý kiến khác (nếu có): *Không*

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định, thời gian bảo hành tính từ ngày bàn giao.

Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): *Không*

7. Các tham thành phần tham gia nghiệm thu.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Dỗ Trọng Trường

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Mơ

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ

VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC
Vũ Trung Nguyên

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 21 tháng 10 năm 2020

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

1. Công trình: Công ty Dệt Hopex

Hạng mục : Bể vi sinh hiếu khí - Hệ thống xử lý nước thải

2. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Dệt Hopex.

- Ông: Đỗ Trọng Trường Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

- Ông: Chức vụ:

b. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty CP tư vấn và xây dựng Trường Giang.

- Ông : Vũ Trung Nguyên Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Vũ Tiến Lược Chức vụ: Giám sát thi công

c. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Bắc.

- Bà: Bùi Thị Mơ Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Đỗ Công Hoan Chức vụ: Giám sát thi công

4. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: ...8...giờ phút, ngày 21 tháng 10.. năm 2010

Kết thúc: 10 giờphút, ngày 21 tháng 10 năm 2010

Tại hiện trường thi công xây dựng công trình: **Công ty Dệt Hopex.**

5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiêm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành

- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng;

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng XD số: 08./BAC-HOPEX ngày 6. tháng 9. năm 2020

- Bản vẽ hoàn công;

b) Chất lượng công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

Thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật xây dựng. Chất lượng các bộ phận kết cấu công trình đạt yêu cầu.

c) Các ý kiến khác (nếu có): *Không*

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định, thời gian bảo hành tính từ ngày bàn giao.

Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): *Không*

7. Các tham thành phần tham gia nghiệm thu.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Trọng Trường

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ

VĂN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC
Vũ Trung Nguyên

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Mơ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 25 tháng 10 năm 2010

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình: Công ty Dệt Hopex

Hạng mục : Bể gom Lamen - Hệ thống xử lý nước thải

2. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Thành phần trực tiếp tham gia nghiêm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Dệt Hopenx.

- Ông: Đỗ Trọng Trường Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

- Ông: Chức vụ:

b. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty CP tư vấn và xây dựng Trường Giang.

- Ông : Vũ Trung Nguyên Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Vũ Tiến Lực Chức vụ: Giám sát thi công

c. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Bắc.

- Bà: Bùi Thị Mơ Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Đỗ Công Hoan Chức vụ: Giám sát thi công

4. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: ..8...giờ phút, ngày 25 tháng 10.. năm 2010

Kết thúc: 10 giờphút, ngày 25 tháng 10 năm 2010

Tại hiện trường thi công xây dựng công trình: **Công ty Dệt Hopex.**

5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành

- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng;

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng:

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng XD số: ..08../BAC-HOPEX ngày .6. tháng 9 năm 2010

- Bản vẽ hoàn công;

b) Chất lượng công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

Thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật xây dựng. Chất lượng các bộ phận kết cấu công trình đạt yêu cầu.

c) Các ý kiến khác (nếu có): Không

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định, thời gian bảo hành tính từ ngày bàn giao.

Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): Không

7. Các tham thành phần tham gia nghiệm thu.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Trọng Trường

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



GIÁM ĐỐC

Bùi Chi Mò

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ

VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Nguyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 28 tháng 10 năm 2010

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình: Công ty Dệt Hopex

Hạng mục : Nhà chứa bùn thải - Hệ thống xử lý nước thải

2. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Dệt Hopex.

- | | |
|------------------------|-----------------------------|
| - Ông: Đỗ Trọng Trường | Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc. |
| - Ông: | Chức vụ: |

b. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty CP tư vấn và xây dựng Trường Giang.

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| - Ông : Vũ Trung Nguyên | Chức vụ: Giám đốc. |
| - Ông: Vũ Tiến Lực | Chức vụ: Giám sát thi công |

c. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Bắc.

- | | |
|---------------------|----------------------------|
| - Bà: Bùi Thị Mơ | Chức vụ: Giám đốc. |
| - Ông: Đỗ Công Hoan | Chức vụ: Giám sát thi công |

4. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: ...8...giờ ...00... phút, ngày 28 tháng 10. năm 2010

Kết thúc: ...11...giờ ...00...phút, ngày 28. tháng 10..năm 2010

Tại hiện trường thi công xây dựng công trình: **Công ty Dệt Hopex.**

5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành
- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng;
- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;
- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng XD số: ...08../BAC-HOPEX ngày 6. tháng 9 năm 2010

- Bản vẽ hoàn công;

b) Chất lượng công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

Thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật xây dựng. Chất lượng các bộ phận kết cấu công trình đạt yêu cầu.

c) Các ý kiến khác (nếu có): Không

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định, thời gian bảo hành tính từ ngày bàn giao.

Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): Không

7. Các tham thành phần tham gia nghiệm thu.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Trọng Trường

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ
VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC
Vũ Trung Nguyên

GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Mơ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 28 tháng 08 năm 2019

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình: Công ty Dệt Hopex

Hạng mục : Bồn khuấy trộn - Hệ thống xử lý nước thải

2. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Dệt Hopenx.

- Ông: Đỗ Trọng Trường Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

- Ông: Chức vụ:

b. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty CP tư vấn và xây dựng Trường Giang.

- Ông : Vũ Trung Nguyên Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Vũ Tiến Lực Chức vụ: Giám sát thi công

c. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Bắc.

- Bà: Bùi Thị Mơ Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Đỗ Công Hoan Chức vụ: Giám sát thi công

4. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: ...8...giờ phút, ngày 28 tháng 08 năm 2019

Kết thúc: 10 giờphút, ngày 28 tháng 08 năm 2019

Tại hiện trường thi công xây dựng công trình: **Công ty Dệt Hopex.**

5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành

- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng;

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng:

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng XD số: ...05./BAC-HOPEX ngày 03 tháng 06 năm 2019

- Bản vẽ hoàn công;

b) Chất lượng công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

Thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật xây dựng. Chất lượng các bộ phận kết cấu công trình đạt yêu cầu.

c) Các ý kiến khác (nếu có): Không

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định, thời gian bảo hành tính từ ngày bàn giao.

Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): Không

7. Các tham thành phần tham gia nghiệm thu.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Trọng Trường

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ

VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Nguyên

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Mơ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 28 tháng 08 năm 2019

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình: Công ty Dệt Hopex

Hạng mục : Bể lắng vi sinh - Hệ thống xử lý nước thải

2. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Thành phần trực tiếp tham gia nghiêm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Dệt Hopex.

- Ông: Đỗ Trọng Trường Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

- Ông: Chức vụ:

b. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty CP tư vấn và xây dựng Trường Giang.

- Ông : Vũ Trung Nguyên Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Vũ Tiến Lực Chức vụ: Giám sát thi công

c. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Bắc.

- Bà: Bùi Thị Mơ Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Đỗ Công Hoan Chức vụ: Giám sát thi công

4. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: ...8...giờ phút, ngày 28 tháng 08.. năm 2019

Kết thúc: 10...giờphút, ngày 28. tháng 08...năm 2019

Tại hiện trường thi công xây dựng công trình: **Công ty Dệt Hopex.**

5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiêm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành

- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng;

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng:

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng XD số: ...05../BAC-HOPEX ngày 03 tháng 06 năm 2019

- Bản vẽ hoàn công;

b) Chất lượng công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

Thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật xây dựng. Chất lượng các bộ phận kết cấu công trình đạt yêu cầu.

c) Các ý kiến khác (nếu có): Không

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định, thời gian bảo hành tính từ ngày bàn giao.

Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): Không

7. Các tham thành phần tham gia nghiệm thu.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Trọng Trường

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ

VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Nguyên

GIÁM ĐỐC

Bùi Chí Mạo

Hạng mục : Bể nước tái sử dụng - Hệ thống xử lý nước thải

3. Thành phần trực tiếp tham gia nghiêm thu:

- Ông: Đỗ Trọng Trường Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

b. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty CP tư vấn và xây dựng Trường Giang.

- Ông: Vũ Tiến Lực Chức vụ: Giám sát thi công

- Bà: Bùi Thị Mơ Chức vụ: P. Giám đốc.

- Ông: Đỗ Công Hoan Chức vụ: Giám sát thi công

Bắt đầu: ...8...giờ phút, ngày 29 tháng 12 năm 2022

Tại hiện trường thi công xây dựng công trình: **Công ty Dệt Hopex.**

a) Tài liệu làm căn cứ nghiêm thu:

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiêm thu;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng XD số: 10./BAC-HOPEX ngày 15 tháng 09 năm 2022

- Bản vẽ hoàn công;

b) Chất lượng công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

Thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật xây dựng. Chất lượng các bộ phận kết cấu công trình đạt yêu cầu.

c) Các ý kiến khác (nếu có): *Không*

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định, thời gian bảo hành tính từ ngày bàn giao.

Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): *Không*

7. Các tham thành phần tham gia nghiệm thu.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Trọng Trường

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ

VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Nguyên

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Mơ

Hạng mục : Bể lắng Lamen - Hệ thống xử lý nước thải

3. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

- Ông: Đỗ Trọng Trường Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

b. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty CP tư vấn và xây dựng Trường Giang.

- Ông: Vũ Tiến Lực Chức vụ: Giám sát thi công

- Bà: Bùi Thị Mơ Chức vụ: P. Giám đốc.

- Ông: Đỗ Công Hoan Chức vụ: Giám sát thi công

Bắt đầu: ...8...giờ phút, ngày 29 tháng 12 năm 2022

Tại hiện trường thi công xây dựng công trình: **Công ty Dệt Hopex.**

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng XD số: ...10../BAC-HOPEX ngày 15 tháng 09 năm 2022

- Bản vẽ hoàn công;

b) Chất lượng công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

Thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật xây dựng. Chất lượng các bộ phận kết cấu công trình đạt yêu cầu.

c) Các ý kiến khác (nếu có): Không

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định, thời gian bảo hành tính từ ngày bàn giao.

Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): Không

7. Các tham thành phần tham gia nghiệm thu.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Trọng Trường

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Mơ

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ

VĂN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Nguyên



Số TN: 0104/QTVH/2023/240/MTX-KQ/HD002/4349

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : CÔNG TY DỆT HOPEX
2. Cơ sở được lấy mẫu : CÔNG TY DỆT HOPEX
3. Địa chỉ : Thị Trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
4. Loại mẫu : Nước thải
5. Ký hiệu mẫu : NT2
6. Ngày lấy mẫu : 02/02/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT2	QCVN 40: 2011/BTNMT (A)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	25,6	40
2	Màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	21,2	50
3	Mùi vị #	-	Phương pháp cảm quan	Không mùi	-
4	pH	-	TCVN 6492:2011	7,25	6 - 9
5	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN6001-1:2008	27,0	30,0
6	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	56,0	75,0
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	38,0	50,0
8	Asen	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL=0,002)	0,05
9	Thủy ngân	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0006)	0,005
10	Chì	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,002)	0,1
11	Cadimin	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0001)	0,05
12	Crom (VI)	mg/L	TCVN 6658:2000	KPH (MDL=0,003)	0,05
13	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3111B:2017 + TCVN 6658:2000	KPH (MDL=0,05)	0,2
14	Đồng	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,04)	2
15	Kẽm	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,035)	3
16	Niken	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,02)	0,2
17	Mangan	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,02)	0,5
18	Sắt	mg/L	TCVN 6177:1996	0,13	1
19	Tổng xianua	mg/L	SMEWW 4500CN.C&E: 2017	KPH (MDL=0,003)	0,07
20	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (MDL=0,002)	0,1



Số TN: 0764/QTVH/2023/2071/MTX-KQ/HD002/4350

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : CÔNG TY DỆT HOPEX
2. Cơ sở được lấy mẫu : CÔNG TY DỆT HOPEX
3. Địa chỉ : Thị trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
4. Loại mẫu : Nước thải
5. Ký hiệu mẫu : NT2
6. Ngày lấy mẫu : 08/05/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT2	QCVN 40: 2011/BTNMT (A)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	24,6	40
2	Màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	24,7	50
3	Mùi vị #	-	Phương pháp cảm quan	Không mùi	-
4	pH	-	TCVN 6492:2011	7,22	6 - 9
5	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN6001-1:2008	25,0	30
6	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	72,0	75
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	33,0	50
8	Asen	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL=0,002)	0,05
9	Thủy ngân	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0006)	0,005
10	Chì	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,002)	0,1
11	Cadimin	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0001)	0,05
12	Crom (VI)	mg/L	TCVN 6658:2000	KPH (MDL=0,003)	0,05
13	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3111B:2017 + TCVN 6658:2000	KPH (MDL=0,05)	0,2
14	Đồng	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,04)	2
15	Kẽm	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,035)	3
16	Niken	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,02)	0,2
17	Mangan	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,02)	0,5
18	Sắt	mg/L	TCVN 6177:1996	0,142	1
19	Tổng xianua	mg/L	SMEWW 4500CN.C&E: 2017	KPH (MDL=0,003)	0,07
20	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (MDL=0,002)	0,1
21	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,8	5

22	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	0,21	0,2
23	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F-B&D: 2017	<LOQ (0,18)	5
24	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,72	5
25	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	19,5	20
26	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,286	4
27	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	29,6	500
28	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-1:2012 + TCVN 6225-2:2012	0,13	1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (Aldrin)*	mg/L	US EPA method 3510C +US EPA method 3620C + US EPA method 8270D	< 0,00001	50
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ*	mg/L	US EPA method 3510C +US EPA method 3620C + US EPA method 8270D	< 0,00005	300
31	Tổng PCB*	µg/L	US.EPA.Method 8082A	< 0,00005	3
32	Coliform	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	2100	3000
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	Bq/L	TCVN 6053:2011	< 0,02	0,1
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β*	Bq/L	TCVN 6219:2011	< 0,2	1

Ghi chú:

- QCVN 40: 2011/BTNMT (A): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- NT2 (HD002.23T5.NT2): Mẫu nước thải tại vị trí cửa xả trước khi đổ ra kênh Tứ Thông – Lai Cách.
(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (*): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

(Chữ ký)
Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2023



GIÁM ĐỐC

(Chữ ký)
Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 1377/QTVH/2023/3642/MTX-KQ/HD002/4351

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : CÔNG TY DỆT HOPEX
2. Cơ sở được lấy mẫu : CÔNG TY DỆT HOPEX
3. Địa chỉ : Thị Trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
4. Loại mẫu : Nước thải
5. Ký hiệu mẫu : NT2
6. Ngày lấy mẫu : 26/07/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT2	QCVN 40: 2011/BTNMT (A) Kq=0,9; Kf=1,1	QCVN 13- MT: 2015/BTNMT (A)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	27,5	39,6	40
2	Màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	21,3	49,5	75
3	Mùi vị #	-	Phương pháp cảm quan	Không mùi	-	-
4	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	6 - 9	6 - 9
5	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN6001-1:2008	29,0	29,7	30
6	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	73,6	74,25	100
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	27,0	49,5	50
8	Asen	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL=0,002)	0,0495	-
9	Thủy ngân	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0006)	0,00495	-
10	Chì	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,002)	0,099	-
11	Cadimin	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0001)	0,0495	-
12	Crom (VI)	mg/L	TCVN 6658:2000	KPH (MDL=0,003)	0,0495	0,05
13	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3111B:2017 + TCVN 6658:2000	KPH (MDL=0,05)	0,198	-
14	Đồng	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,04)	1,98	-
15	Kẽm	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,035)	2,97	-
16	Niken	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,02)	0,198	-
17	Mangan	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,02)	0,495	-
18	Sắt	mg/L	TCVN 6177:1996	0,137	0,99	-
19	Tổng xianua	mg/L	SMEWW 4500CN.C&E: 2017	KPH (MDL=0,003)	0,0693	0,07
20	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (MDL=0,002)	0,099	-
21	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,4	4,95	-
22	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	0,14	0,198	-
23	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F-B&D: 2017	0,19	4,95	-

24	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	6,11	4,95	-
25	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	22,2	19,8	-
26	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,011	3,96	-
27	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	26,9	495	-
28	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-1:2012 + TCVN 6225-2:2012	0,13	0,99	1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (Aldrin)*	mg/L	US EPA method 3510C +US EPA method 3620C + US EPA method 8270D	<0,00001	0,0495	-
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ*	mg/L	US EPA method 3510C +US EPA method 3620C + US EPA method 8270D	<0,00005	0,297	-
31	Tổng PCB*	µg/L	US.EPA.Method 8082A	<0,00005	2,97	-
32	Coliform	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	2300	3000	-
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	Bq/L	TCVN 6053:2011	<0,02	0,099	-
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β*	Bq/L	TCVN 6219:2011	<0,2	0,99	-

Ghi chú:

- QCVN 40: 2011/BTNMT (A) Kq=0,9; Kf=1,1: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- QCVN 13-MT:2015/BTNMT (A): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải dệt nhuộm.
- NT2 (HD002.23T8.NT2): Mẫu nước thải tại vị trí cửa xả trước khi đổ ra kênh Tứ Thông – Lai Cách.
- (*): Được phân tích bởi thầu phụ; (*): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Thị Hiền



Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ

MÔI TRƯỜNG XANH

Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : CÔNG TY DỆT HOPEX
2. Cơ sở được lấy mẫu : CÔNG TY DỆT HOPEX
3. Địa chỉ : Thị Trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
4. Loại mẫu : Nước thải
5. Ký hiệu mẫu : NT2
6. Ngày lấy mẫu : 23/10/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT2	QCVN 40: 2011/BTNMT (A) Kq=0,9; Kf=1,1	QCVN 13- MT: 2015/BTNMT (A)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	20,2	39,6	40
2	Màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	31,6	49,5	75
3	Mùi vị #	-	Phương pháp cảm quan	Không mùi	-	-
4	pH	-	TCVN 6492:2011	7,0	6 - 9	6 - 9
5	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN6001-1:2008	27,0	29,7	30
6	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	68,8	74,25	100
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	23,0	49,5	50
8	Asen	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL=0,002)	0,0495	-
9	Thủy ngân	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0006)	0,00495	-
10	Chì	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,002)	0,099	-
11	Cadimin	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0001)	0,0495	-
12	Crom (VI)	mg/L	TCVN 6658:2000	<LOQ (0,009)	0,0495	0,05
13	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3111B:2017 + TCVN 6658:2000	KPH (MDL=0,05)	0,198	-
14	Đồng	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,04)	1,98	-
15	Kẽm	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,035)	2,97	-
16	Niken	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,02)	0,198	-
17	Mangan	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,02)	0,495	-
18	Sắt	mg/L	TCVN 6177:1996	0,143	0,99	-
19	Tổng xianua	mg/L	SMEWW 4500CN.C&E: 2017	<LOQ (0,009)	0,0693	0,07
20	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (MDL=0,002)	0,099	-
21	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,7	4,95	-
22	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	0,12	0,198	-
23	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F-B&D: 2017	0,21	4,95	-
24	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,37	4,95	-

25	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	18,7	19,8	-
26	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,866	3,96	-
27	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	31,2	495	-
28	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-1:2012 + TCVN 6225-2:2012	0,17	0,99	1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (Aldrin)*	mg/L	US EPA method 3510C +US EPA method 3620C + US EPA method 8270D	<0,00001	0,0495	-
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ*	mg/L	US EPA method 3510C +US EPA method 3620C + US EPA method 8270D	<0,00005	0,297	-
31	Tổng PCB*	µg/L	US.EPA.Method 8082A	<0,00005	2,97	-
32	Coliform	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	1900	3000	-
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	Bq/L	TCVN 6053:2011	<0,02	0,099	-
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β*	Bq/L	TCVN 6219:2011	<0,2	0,99	-

Ghi chú:

- QCVN 40: 2011/BTNMT (A) Kq=0,9; Kf=1,1: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- QCVN 13-MT:2015/BTNMT (A): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải dệt nhuộm.

- NT2 (HD002.23T11.NT2): Mẫu nước thải tại vị trí cửa xả trước khi đổ ra kênh Tứ Thông – Lai Cách.

(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (°): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 9 tháng 11 năm 2023



Lương Văn Ninh



1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm

Số TN: 0101/QTVH/2024/302/MTX-KQ/HD002/6906

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Tên khách hàng : CÔNG TY DỆT HOPEX
- Cơ sở được lấy mẫu : CÔNG TY DỆT HOPEX
- Địa chỉ : Thị trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
- Loại mẫu : Nước thải
- Ký hiệu mẫu : NT2
- Ngày lấy mẫu : 17/01/2024



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT2	QCVN 40: 2011/BTNMT (A) Kq=0,9; Kf=1	QCVN 13- MT: 2015/BTNM T (A)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	15,12	40	40
2	Màu	Pt-Co	TCVN 6185C:2015	24,1	50	75
3	Mùi vị #	-	Phương pháp cảm quan	Không mùi	-	-
4	pH	-	TCVN 6492:2011 SMEWW 4500 H ⁺ .B:2023	7,34	6 - 9	6 - 9
5	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mg/L	TCVN6001-1:2021	23,6	27	30
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	67,2	67,5	100
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	15,8	45	50
8	Asen	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	0,045	-
9	Thủy ngân	mg/L	SMEWW 3112B:2023	<0,0005	0,0045	-
10	Chì	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002	0,09	-
11	Cadimin	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,0005	0,045	-
12	Crom (VI)	mg/L	SMWW 3500-Cr.B:2023	0,012	0,045	0,05
13	Crom (III)	mg/L	SMWW 3500-Cr.B:2023	<0,04	0,18	-
14	Đồng	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,04	1,8	-
15	Kẽm	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,04	2,7	-
16	Niken	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,02	0,18	-
17	Mangan	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<LOQ (0,06)	0,45	-
18	Sắt	mg/L	TCVN 6177:1996	0,321	0,9	-
19	Tổng xianua	mg/L	SMEWW 4500CN.C&E: 2023	<LOQ (0,0045)	0,063	0,07
20	Tổng phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	<0,006	0,09	-
21	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<LOQ (3)	4,5	-
22	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	<LOQ (0,15)	0,18	-
23	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F-B&D: 2023	0,22	4,5	-
24	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,21	4,5	-
25	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	14,2	18	-
26	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,06	3,6	-
27	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	26,6	450	-
28	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-1:2012 + TCVN 6225-2:2021	0,18	0,9	1
29	Tổng hóa chất BVTV Clo	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	<0,06	45	-

	Aldrin	µg/L		<0,01		
	4,4'-DDD	µg/L		<0,01		
	4,4'-DDE	µg/L		<0,01		
	α-HCH	µg/L		<0,01		
	β-HCH	µg/L		<0,01		
	γ-HCH	µg/L		<0,01		
30	Tổng hóa chất BVTV Phospho	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	<0,16	270	-
	Dichlorvos	µg/L		<0,02		
	Diazinon	µg/L		<0,02		
	Disulfoton	µg/L		<0,02		
	Chlorpyrifos	µg/L		<0,02		
	Fenthion	µg/L		<0,02		
	Parathion	µg/L		<0,02		
	Bromphos methyl	µg/L		<0,02		
	Ethion	µg/L		<0,02		
31	Tổng PCB	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D	<0,18	2,7	-
	PCB28	µg/L		<0,03		
	PCB52	µg/L		<0,03		
	PCB101	µg/L		<0,03		
	PCB138	µg/L		<0,03		
	PCB153	µg/L		<0,03		
	PCB180	µg/L		<0,03		
32	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	1700	3000	-
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	Bq/L	TCVN 6053:2011	<0,02	0,1	-
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β*	Bq/L	TCVN 6219:2011	<0,2	1	-

Ghi chú:

- QCVN 40: 2011/BTNMT (A) Kq=0,9; Kf=1: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- QCVN 13-MT:2015/BTNMT (A): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải dệt nhuộm.
- NT2 (HD002.24Q1.NT2): Mẫu nước thải tại vị trí cửa xả trước khi đổ ra kênh Tứ Thông – Lai Cách.
- (*): Được phân tích bởi thuê phụ; (°): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 05 tháng 2 năm 2024



GIÁM ĐỐC


Lương Văn Vinh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 0566/QT VH/2024/1580/MTX-KQ/HD002/6907

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : CÔNG TY DỆT HOPEX
2. Cơ sở được lấy mẫu : CÔNG TY DỆT HOPEX
3. Địa chỉ : Thị trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
4. Loại mẫu : Nước thải
5. Ký hiệu mẫu : NT2
6. Ngày lấy mẫu : 08/04/2024



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT2	QCVN 40: 2011/BTNMT (A) Kq=0,9; Kf=1	QCVN 13-MT: 2015/BTNMT (A)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	20,6	40	40
2	Màu	Pt-Co	TCVN 6185C:2015	40,5	50	75
3	Mùi vị #	-	Phương pháp cảm quan	Không mùi	-	-
4	pH	-	TCVN 6492:2011 SMEWW 4500 H ⁺ .B:2023	7,32	6 - 9	6 - 9
5	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mg/L	TCVN6001-1:2021	11,8	27	30
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	27,2	67,5	100
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	<LOQ (15)	45	50
8	Asen	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	0,045	-
9	Thủy ngân	mg/L	SMEWW 3112B:2023	<0,0005	0,0045	-
10	Chì	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002	0,09	-
11	Cadimin	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,0005	0,045	-
12	Crom (VI)	mg/L	SMWW 3500-Cr.B:2023	<LOQ (0,009)	0,045	0,05
13	Crom (III)	mg/L	SMWW 3500-Cr.B:2023	<0,04	0,18	-
14	Đồng	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,04	1,8	-
15	Kẽm	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,04	2,7	-
16	Niken	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,02	0,18	-
17	Mangan	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,02	0,45	-
18	Sắt	mg/L	TCVN 6177:1996	0,11	0,9	-
19	Tổng xianua	mg/L	SMEWW 4500CN.C&E: 2023	<0,0015	0,063	0,07
20	Tổng phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	<0,006	0,09	-
21	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<1,0	4,5	-
22	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	<LOQ (0,15)	0,18	-
23	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F-B&D: 2023	0,44	4,5	-
24	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,08	4,5	-
25	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	10,9	18	-
26	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,43	3,6	-
27	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	375,8	450	-
28	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-1:2012 + TCVN 6225-2:2021	0,52	0,9	1
29	Tổng hóa chất BVTV Clo	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	<0,00006	0,045	-

	Aldrin	mg/L		<0,00001		
	4,4'-DDD	mg/L		<0,00001		
	4,4'-DDE	mg/L		<0,00001		
	α -HCH	mg/L		<0,00001		
	β -HCH	mg/L		<0,00001		
	γ -HCH	mg/L		<0,00001		
30	Tổng hóa chất BVTV Phospho	μ g/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	<0,00016	0,27	-
	Dichlorvos	μ g/L		<0,00002		
	Diazinon	μ g/L		<0,00002		
	Disulfoton	μ g/L		<0,00002		
	Chlorpyrifos	μ g/L		<0,00002		
	Fenthion	μ g/L		<0,00002		
	Parathion	μ g/L		<0,00002		
	Bromphos methyl	μ g/L		<0,00002		
	Ethion	μ g/L		<0,00002		
31	Tổng PCB	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	<0,00018	0,0027	-
	PCB28	mg/L		<0,00003		
	PCB52	mg/L		<0,00003		
	PCB101	mg/L		<0,00003		
	PCB138	mg/L		<0,00003		
	PCB153	mg/L		<0,00003		
	PCB180	mg/L		<0,00003		
32	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	810	3000	-
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α^*	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (MDL = 0,020)	0,1	-
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β^*	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL = 0,2)	1	-

Ghi chú:

- QCVN 40: 2011/BTNMT (A) Kq=0,9; Kf=1: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- QCVN 13-MT:2015/BTNMT (A): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải dệt nhuộm.

- NT2 (HD002.24Q2.NT2): Mẫu nước thải tại vị trí cửa xả trước khi đổ ra kênh Tứ Thông – Lai Cách.

(*): Được phân tích bởi thiết bị; (°): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2024



GIÁM ĐỐC


Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm





Số: 0853-NT02/2024.2135

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty dệt Hopex
Địa chỉ : Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc : 10/07/2024 - Ngày phân tích: 10/07/2024 - 31/07/2024
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : NT02/Mẫu nước thải tại vị trí cửa xả phía ngoài công ty trước khi đổ ra kênh Tứ Thông

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 13-MT:2015/ BTNMT
				NT02	Cột A - Cmax	Cột A
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	28,0	40	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	6 ÷ 9	6 ÷ 9
3	Độ màu	Pt/Co	SMEWW 2120BC:2023	<10	50	-
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	27	45	50
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	12	67,5	100
6	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5	27	30
7	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	<4,5	18	-
8	Tổng Phospho (P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	<0,20	3,6	-
9	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,08	4,5	-
10	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	13,7	450	-
11	Florua (F ⁻)	mg/L		0,42	4,5	-
12	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .D:2023	KPH(0,02)	0,18	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,18	0,9	-
14	Mangan (Mn)	mg/L	EPA Method 200.8	0,015	0,45	-
15	Kẽm (Zn)	mg/L		KPH(0,004)	2,7	-
16	Đồng (Cu)	mg/L		KPH(0,002)	1,8	-
17	Chì (Pb)	mg/L		KPH(0,004)	0,09	-
18	Cadimi (Cd)	mg/L		KPH(0,001)	0,045	-
19	Asen (As)	mg/L		KPH(0,001)	0,045	-
20	Thủy ngân (Hg)	mg/L		KPH(0,0003)	0,0045	-
21	Niken (Ni)	mg/L		KPH(0,002)	0,18	-
22	Cr ^{3+(*)}	mg/L	SMEWW 3111B: 2023 TCVN 6658:2000	KPH(0,025)	0,18	-
23	Cr ⁶⁺	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH(0,003)	0,045	0,05
24	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH(0,0045)	0,09	-

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.

Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)

Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 47 Đại Lộ Lê Duẩn - KĐT Ecorivers - P. Hải Tân - TP. Hải Dương

Điện thoại: 0220.3838298 * Email: Phantichcongnghercao@gmail.com



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 13- MT:2015/ BTNMT
				NT02	Cột A - Cmax	Cột A
25	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-2:2012	<0,1	0,9	1
26	Tổng xianua	mg/L	SMEWW 4500-CN-C,E:2023	KPH(0,003)	0,063	0,07
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B& F:2023	KPH(0,3)	4,5	-
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α (**)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH(0,02)	0,1	-
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β (**)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH(0,3)	1	-
30	Tổng PCBs(***)	μ g/L	US EPA Method (3510C + 3620C + 8270D)	<0,001	0,0027	-
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ(***)	mg/l	US EPA Method (3510C + 3620C + 8270D)	<0,0005	0,045	-
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ(***)	mg/l	US EPA Method (3510C + 3620C + 8270E)	<0,001	0,27	-
33	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	70	3.000	-

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, áp dụng cột A, Cmax: Kq=0,9 và Kf=1;
- QCVN 13-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm, áp dụng Cột A;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Kết quả có dấu "<" là kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (*): Thông số được thực hiện bởi VIMCERTS 017
- (**): Thông số được thực hiện bởi VIMCERTS 251;
- (***) : Thông số được thực hiện bởi VIMCERTS 079;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

Hải Dương, ngày 01 tháng 08 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH**Nguyễn Thị Hồng Thúy****Phạm Văn Hải****Lê Thị Thảo**

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



Số: 1183-NT01-02/2024.2937

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty dệt Hopex
Địa chỉ : TT.Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc : 10/10/2024 - Ngày phân tích: 10/10/2024 - 31/10/2024
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : NT01/Mẫu nước thải trước hệ thống xử lý nước thải trong công ty
NT02/Mẫu nước thải tại vị trí cửa xả phía ngoài công ty trước khi đổ ra kênh Tứ Thông

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 13-MT:2015/ BTNMT
				NT01	NT02	Cột A - Cmax	Cột A
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	28,3	30,7	40	40
2	Độ màu	Pt/Co	SMEWW 2120BC:2023	36	<10	45	-
3	pH	-	TCVN 6492:2011	9,5	6,9	6 ÷ 9	6 ÷ 9
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001- 1:2021	247	<4	27	30
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	665	<10	67,5	100
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	162	KPH(3)	45	50
7	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179- 1:1996	<0,08	KPH (0,02)	4,5	-
8	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,8	KPH (1,5)	18	-
9	Tổng Phospho (P)	mg/L	SMEWW 4500- P.B&E:2023	0,335	<0,20	3,6	-
10	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	-	KPH (0,0045)	0,09	-
11	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494- 1:2011	230	12,4	450	-
12	Florua (F ⁻)	mg/L		-	<0,3	4,5	-
13	Asen (As)	mg/L	EPA Method 200.8	KPH (0,001)	KPH (0,001)	0,045	-
14	Niken (Ni)	mg/L		-	KPH (0,002)	0,18	-
15	Thủy ngân (Hg)	mg/L		<0,0009	KPH (0,0003)	0,0045	-
16	Chì (Pb)	mg/L		0,018	KPH (0,004)	0,09	-
17	Cadimi (Cd)	mg/L		KPH (0,001)	KPH (0,001)	0,045	-
18	Đồng (Cu)	mg/L		0,019	KPH (0,002)	1,8	-

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 47 Đại Lộ Lê Duẩn - KĐT Ecorivers - P. Hải Tân - TP. Hải Dương

Điện thoại: 0220.3838298 * Email: Phantichcongnghecao@gmail.com



19	Kẽm (Zn)	mg/L		0,099	KPH (0,004)	2,7	-
20	Mangan (Mn)	mg/L		-	0,039	0,45	-
21	Cr ⁶⁺	mg/L	SMEWW 3500- Cr.B:2023	<0,01	KPH (0,003)	0,045	0,05
22	Cr ^{3+(**)}	mg/L	SMEWW 3111B:2017	-	KPH (0,03)	0,18	-
23	Cr ^{3+(***)}	mg/L	SMEWW 3111B:2017+ TCVN 6658:2000	KPH (0,025)	-	0,18	-
24	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,2	0,16	0,9	-
25	Clo dư	mg/L	TCVN 6225- 2:2012	-	KPH (0,03)	0,9	1
26	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S2-.D:2023	-	KPH (0,02)	0,18	-
27	Tổng xianua	mg/L	SMEWW 4500- CN-C,E:2023	-	KPH (0,003)	0,063	0,07
28	Tổng PCBs ^(*)	mg/L	US EPA Method (3510C + 3620C + 8270D)	-	<0,001	0,0027	-
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ ^(*)	mg/l		-	<0,0005	0,045	-
30	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ ^(*)	mg/l	US EPA Method (3510C + 3620C + 8270E)	-	<0,001	0,27	-
31	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha^{(**)}$	Bq/L	TCVN 6053:2011	-	KPH (0,02)	0,1	-
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta^{(**)}$	Bq/L	TCVN 6219:2011	-	KPH(0,3)	1	-
33	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B& F:2023	<1,0	KPH(0,3)	4,5	-
34	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH(2)	KPH(2)	3.000	-

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, áp dụng cột A, Cmax: Kq=0,9 và Kf=1;
- QCVN 13-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm, áp dụng Cột A;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Kết quả có dấu "<" là kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định/không thực hiện.
- (**): Thông số được thực hiện bởi Vimcerts 251;
- (*): Thông số được thực hiện bởi Vimcerts 079;
- (***) : Thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017.

Hải Dương, ngày 01 tháng 11 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH**Nguyễn Thị Hồng Thúy****Phạm Văn Hải****Tạ Quốc Bình**

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

Số TN: 0101/QTVH/2023/237/MTX-KQ/HD002/4349

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : CÔNG TY DỆT HOPEX
2. Cơ sở được lấy mẫu : CÔNG TY DỆT HOPEX
3. Địa chỉ : Thị trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
4. Loại mẫu : Khí thải
5. Ký hiệu mẫu : KT
6. Ngày lấy mẫu : 02/02/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KT	QCVN 19:2009 /BTNMT (B)
1	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	304,76	1000
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	64,64	500
3	NO ₂	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	0,00	850

Ghi chú:

- QCVN 19:2009 /BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- KT (HD002.23T2.KT): Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi.

(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (*): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 13 tháng 2 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

ĐẠI DIỆN CÔNG TY**GIÁM ĐỐC**

Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 0761/QTVH/2023/2068/MTX-KQ/HD002/4350

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : CÔNG TY DỆT HOPEX
2. Cơ sở được lấy mẫu : CÔNG TY DỆT HOPEX
3. Địa chỉ : Thị trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
4. Loại mẫu : Khí thải
5. Ký hiệu mẫu : KT
6. Ngày lấy mẫu : 08/05/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KT	QCVN 19:2009 /BTNMT (B)
1	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	440,04	1000
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	58,50	500
3	NO ₂	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	0,00	850

Ghi chú:

- QCVN 19:2009 /BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- KT (HD002.23T5.KT): Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi.

(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (✓): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY**GIÁM ĐỐC**

Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 1972/QTVH/2023/4847/MTX-KQ/HD002/4352

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : CÔNG TY DỆT HOPEX
2. Cơ sở được lấy mẫu : CÔNG TY DỆT HOPEX
3. Địa chỉ : Thị trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
4. Loại mẫu : Khí thải
5. Ký hiệu mẫu : KT
6. Ngày lấy mẫu : 23/10/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KT	QCVN 19:2009 /BTNMT (B)
1	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	396,72	1000
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	44,54	500
3	NO ₂	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	0,00	850
4	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA method 02	13967	-
5	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 05	54,6	200

Ghi chú:

- QCVN 19:2009 /BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- KT (HD002.23T11.KT): Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi.

(*): Được phân tích bởi thủ phụ; (*): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 9 tháng 11 năm 2023



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 1374/QTVH/2023/3639/MTX-KQ/HD002/4351

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : CÔNG TY DỆT HOPEX
2. Cơ sở được lấy mẫu : CÔNG TY DỆT HOPEX
3. Địa chỉ : Thị Trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
4. Loại mẫu : Khí thải
5. Ký hiệu mẫu : KT
6. Ngày lấy mẫu : 26/07/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KT	QCVN 19:2009 /BTNMT (B)
1	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	402,8	1000
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	41,06	500
3	NO ₂	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	0,00	850

Ghi chú:

- QCVN 19:2009 /BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- KT (HD002.23T8.KT): Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi.

(*): Được phân tích bởi thủ phụ; (✓): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Thị Hiền



GIÁM ĐỐC


Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 0567/QTVH/2024/1581/MTX-KQ/HD002/6907

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : CÔNG TY DỆT HOPEX
2. Cơ sở được lấy mẫu : CÔNG TY DỆT HOPEX
3. Địa chỉ : Thị trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
4. Loại mẫu : Khí thải
5. Ký hiệu mẫu : KT
6. Ngày lấy mẫu : 08/04/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KT	QCVN 19:2009 /BTNMT (B)
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 02	13818	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	78,2	200
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT. KT.06.2	411,92	1000
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT. KT.06.2	53,26	500
5	NO ₂	mg/Nm ³	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT. KT.06.2	0,00	850

Ghi chú:

- QCVN 19:2009 /BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- KT (HD002.24Q2.KT): Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi.
(*): Được phân tích bởi chuyên phụ; (*): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2024



GIÁM ĐỐC



1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm





Số: 0853-KT01/2024.2133

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty dệt Hopex

Địa chỉ : Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

Loại mẫu : Khí thải

Ngày quan trắc : 10/07/2024

- Ngày phân tích: 10/07/2024 - 31/07/2024

Tên mẫu/Vị trí quan trắc : KT01/Khí thải ống khói lò hơi trong công ty

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT01	Cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	14.158	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<6,7	200
3	CO	mg/Nm ³	QTHT 43/CLC	210,5	1.000
4	SO ₂	mg/Nm ³	QTHT 43/CLC	<13,1	500
5	NO _x tính theo NO ₂	mg/Nm ³	QTHT 43/CLC	67,4	850

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, áp dụng Cột B

- Kết quả có dấu "<" là kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn sai số của thiết bị đo hoặc giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;

- (-): Không quy định/không thực hiện.

Hải Dương, ngày 01 tháng 08 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Hồng Thúy

Phạm Văn Hải



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thảo



Số: 1183-KT01/2024.2936

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được quan trắc : Công ty dệt Hopex

Địa chỉ : TT.Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

Loại mẫu : Khí thải

Ngày quan trắc : 10/10/2024

- Ngày phân tích: 10/10/2024 - 31/10/2024

Tên mẫu/Vị trí quan trắc : KT01/Khí thải ống khói lò hơi trong công ty

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT01	Cột B
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	10	200
2	CO	mg/Nm ³	QTHH 43/CLC	603	1.000
3	SO ₂	mg/Nm ³		<13,1	500
4	NO _x tính theo NO ₂	mg/Nm ³		94,2	850

Ghi chú:

- Lưu lượng khí thải ống khói lò hơi trong công ty: KT01 = 15.000 m³/h, đo theo phương pháp US EPA Method 2;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, áp dụng Cột B;
- Kết quả có dấu "<" là kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn sai số của thiết bị đo.

Hải Dương, ngày 01 tháng 11 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Hồng Thúy

Phạm Văn Hải



GIÁM ĐỐC

Tạ Quốc Bình

Số TN: 0098/QTVH/2024/299/MTX-KQ/HD002/6906

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : CÔNG TY DỆT HOPEX
2. Cơ sở được lấy mẫu : CÔNG TY DỆT HOPEX
3. Địa chỉ : Thị Trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
4. Loại mẫu : Khí thải
5. Ký hiệu mẫu : KT
6. Ngày lấy mẫu : 17/01/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KT	QCVN 19:2009 /BTNMT (B)
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 02	14264	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	44,8	200
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT. KT.06.2	423,70	1000
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT. KT.06.2	60,26	500
5	NO ₂	mg/Nm ³	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT. KT.06.2	0,00	850

Ghi chú:

- QCVN 19:2009 /BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- KT (HD002.24Q1.KT): Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi.
(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (°): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Thị Hiền

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC


Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



CÔNG TY DỆT HOPEX

-----88-----

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN "CÔNG TY DỆT HOPEX"

Địa chỉ: Công ty Dệt Hopex, Thị trấn Lai Cách,
huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
(Đã chỉnh sửa và bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định)

Tháng 6 năm 2014

CÔNG TY DỆT HOPEX

0880

BẢO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN "CÔNG TY DỆT HOPEX"

**Địa chỉ: Công ty Dệt Hopex, Thị trấn Lai Cách,
huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương**
(Đã chỉnh sửa và bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định)

Chủ đầu tư
CÔNG TY DỆT HOPEX



TỔNG GIÁM ĐỐC
PARK JUNG MAN

Đơn vị tư vấn
CTY CP CÔNG NGHỆ THÂN THIỆN
MÔI TRƯỜNG BÁCH KHOA



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Ngọc Lân

Tháng 6 năm 2014